

Số: 70/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh năm 1994; căn cước công dân số 046194006879, cấp ngày 14/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số H đường D, phường A, thành phố Huế.

- Anh Lê M, sinh năm 1995; căn cước công dân số 046095011069, cấp ngày 11/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số B đường V, phường T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M tìm hiểu nhau được 02 năm thì chung sống từ tháng 6/2023, sau đó anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 12/01/2024 thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường K, thành phố Huế) nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chị D, anh M chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

tính tình, quan điểm sống vợ chồng không còn phù hợp, không có tiếng nói chung làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 06 năm 2025 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị D và anh M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị D và anh M.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M xác nhận có 01 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 31/01/2024, hiện nay đang ở cùng với chị D.

Chị D và anh M thỏa thuận: Giao cháu Lê Nguyễn Tuệ N cho chị Nguyễn Thị Quỳnh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M xác nhận có 01 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 31/01/2024.

Giao cháu Lê Nguyễn Tuệ N cho chị Nguyễn Thị Quỳnh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Lê M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Nguyễn Tuệ N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ về tài sản*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000264 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Lê M đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1, thành phố Huế;
- THADS thành phố H;
- UBND phường K,
(ĐKKH số 01 ngày 12/01/2024 tại
UBND phường H cũ);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh